

Số: 22/2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 496/TTr-SNV ngày 06 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CSDL quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- CV: HCTC^{Đức, Dung};
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.



Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước
trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh về thực hiện cải cách hành chính (CCHC); đánh giá, xếp loại khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện CCHC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ quan, đơn vị).

2. Người được giao quyền đứng đầu hoặc giao phụ trách cơ quan, đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị về công tác CCHC

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm đối với người đứng đầu:

a) Khi xem xét, xác định trách nhiệm của người đứng đầu để đánh giá, xếp loại, khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật về thực hiện CCHC phải khách quan, đúng người, đúng việc, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị.

b) Trong trường hợp người đứng đầu đã làm hết trách nhiệm và áp dụng mọi biện pháp để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm các quy định về CCHC thì được xem xét giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật hoặc miễn trách nhiệm.

2. Nguyên tắc xử lý vi phạm người đứng đầu: Mọi vi phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời. Việc xử lý kỷ luật người đứng đầu vi phạm được tiến hành công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 4. Trách nhiệm chỉ đạo, điều hành thực hiện CCHC tại cơ quan, đơn vị

1. Về thực hiện kế hoạch CCHC

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác CCHC giai đoạn, hàng năm theo quy định, kế hoạch CCHC của tỉnh và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị. Kế hoạch CCHC phải nêu rõ từng nhiệm vụ triển khai, phân công trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện, xác định thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

b) Triển khai thực hiện đầy đủ nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch CCHC của tỉnh và của cơ quan, đơn vị.

c) Tổ chức tự đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị hàng năm.

2. Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo CCHC

a) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về CCHC bảo đảm số lượng, chất lượng, đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định.

b) Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

3. Kiểm tra, giám sát công tác CCHC hàng năm

a) Ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc và tổ chức thực hiện xong kế hoạch chậm nhất trước ngày 31/10 hàng năm (trừ các trường hợp kiểm tra đột xuất).

b) Triển khai việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác CCHC theo kế hoạch đề ra, đảm bảo cụ thể về nội dung kiểm tra, đối tượng được kiểm tra, thời gian kiểm tra, có hồ sơ lưu trữ kết quả kiểm tra. Tiến hành xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, theo dõi giám sát kết quả khắc phục tồn tại sau kiểm tra.

c) Phối hợp với đoàn kiểm tra của cấp trên về kiểm tra công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, báo cáo, số liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

4. Công tác tuyên truyền CCHC

a) Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC nhằm phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác CCHC đến người dân, tổ chức.

b) Đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC; kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật thông tin hoạt động của cơ quan, đơn vị trên Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

c) Chỉ đạo công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị hưởng ứng đầy đủ các cuộc thi tìm hiểu về CCHC do cấp trên và địa phương tổ chức.

5. Xác định Chỉ số CCHC hàng năm:

a) Chỉ đạo tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC hàng năm của cơ quan, đơn vị, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Trên cơ sở kết quả xác định Chỉ số CCHC hàng năm do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chỉ đạo phân tích các tiêu chí còn hạn chế, xác định nguyên nhân, đề ra các giải pháp hiệu quả để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm đẩy mạnh công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

6. Thực hiện các giải pháp về chỉ đạo, điều hành công tác CCHC của người đứng đầu cơ quan, đơn vị:

a) Bố trí đủ ngân sách để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị.

b) Trực tiếp phụ trách CCHC, đồng thời có văn bản phân công cán bộ, công chức tham mưu CCHC đáp ứng yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

c) Gắn việc thực hiện CCHC với công tác khen thưởng hoặc kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

d) Đưa nội dung CCHC để đánh giá, kiểm điểm trong các cuộc họp giao ban và được thông báo bằng văn bản đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

7. Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị

1. Tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị đúng quy trình theo quy định của pháp luật và đảm bảo chất lượng, thời gian theo chương trình công tác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo đầy đủ các hoạt động theo quy định; căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan, đơn vị xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

3. Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL để đề nghị bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ các văn bản QPPL không còn phù hợp.

4. Kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị. Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực

hiện văn bản QPPL.

5. Thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

Điều 6. Thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính

1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC): Hàng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị theo quy định; xử lý kết quả kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị.

2. Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

a) Hàng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

b) Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC của cơ quan, đơn vị để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; kiến nghị, xử lý kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC theo quy định.

3. Công bố, công khai TTHC:

a) Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xây dựng dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh sau khi có Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ; xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản QPPL của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh sau khi văn bản QPPL được ban hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

b) Công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan (hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát TTHC tỉnh Hưng Yên đối với các sở, ban, ngành tỉnh đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Trung tâm) và trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

4. Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại trụ sở của tất cả các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh (kể cả các sở, ban, ngành tỉnh đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát TTHC tỉnh Hưng Yên); xử lý phản ánh, kiến nghị theo văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

a) Chỉ đạo thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát TTHC tỉnh Hưng Yên, Bộ phận Một cửa các cấp đảm bảo 100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

b) Trình cấp có thẩm quyền ban hành và thực hiện tốt quy trình nội bộ giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị; tổ chức kiểm tra, theo dõi tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC trong nội bộ cơ quan, đơn vị để phòng ngừa, ngăn chặn các sai sót và xử lý nghiêm công chức, viên chức tùy tiện đặt ra những quy định trái pháp luật và các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC. Tránh giải quyết hồ sơ TTHC trễ hẹn và phải thực hiện thông báo bằng văn bản, xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra hồ sơ TTHC trễ hẹn.

c) Bố trí công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát TTHC tỉnh Hưng Yên, Bộ phận Một cửa các cấp.

Điều 7. Thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

1. Thực hiện đúng các quy định về tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị và các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Định kỳ kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động trong cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong cơ quan, đơn vị.

3. Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý. Xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện qua kiểm tra.

Điều 8. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1. Thực hiện việc xác định cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp. Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị và các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) trực thuộc. Tổ chức đánh giá mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt.

2. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức được tuyển dụng đúng vị trí việc làm và ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp theo Đề án đã được phê duyệt.

3. Thực hiện quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định và tổ chức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đảm bảo 100% đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn.

5. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Thực hiện cải cách tài chính công

1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đạt 100%.

2. Thực hiện đúng quy định cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính

tại cơ quan, đơn vị; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, giám chi ngân sách trực tiếp tại các đơn vị SNCL trực thuộc, thúc đẩy tăng số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

3. Đảm bảo 100% số tiền nộp vào ngân sách nhà nước theo kiến nghị được Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

4. Quản lý tài chính, tài sản công đúng quy định, bảo đảm cơ quan, đơn vị hoạt động hiệu quả.

Điều 10. Hiện đại hóa hành chính

1. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin đúng quy định, có hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, bao gồm ứng dụng đồng bộ các phần mềm dùng chung của tỉnh.

2. Hoàn thiện Công/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; bảo đảm cập nhật, công khai, minh bạch thông tin thường xuyên, đầy đủ và kịp thời theo quy định.

3. Cung cấp, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền hỗ trợ người dân, tổ chức tiếp cận và khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, dịch vụ bưu chính công ích thường xuyên.

4. Triển khai thực hiện việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 và từng bước áp dụng theo hướng hiện đại.

Điều 11. Trách nhiệm người đứng đầu của các sở, ngành tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các lĩnh vực CCHC trên địa bàn tỉnh

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm người đứng đầu quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định này, người đứng đầu của các sở, ngành: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các lĩnh vực CCHC trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các nội dung về: Ban hành các văn bản chỉ đạo về CCHC của tỉnh; xây dựng báo cáo CCHC theo yêu cầu của Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện công tác kiểm tra CCHC tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm; tham mưu, đề xuất, tổng hợp các sáng kiến, giải pháp CCHC mới có tác động tốt đến hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy và đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác CCHC.

b) Định kỳ tổ chức đánh giá chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ; xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề còn hạn chế trong công tác CCHC của tỉnh. Chủ trì bình xét thi đua khen thưởng trong công tác CCHC.

2. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL theo các nội dung: Tham mưu hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ văn bản QPPL, thực hiện báo cáo kết quả rà soát theo quy định; theo dõi thi hành pháp luật; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

3. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc cung cấp, cập nhật, bổ sung các chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo kịp thời, bố cục dễ quan sát; đẩy mạnh việc công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến các lĩnh vực môi trường, quy hoạch, kinh tế; xây dựng chuyên mục riêng về CCHC trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác cải cách TTHC; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tích hợp dữ liệu, cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; cập nhật đầy đủ hồ sơ giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công của tỉnh; tuyên truyền, vận động người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết hồ sơ TTHC.

4. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung về công tác cải cách tài chính công, trọng tâm theo nội dung: Thực hiện việc giải ngân theo đúng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm; kịp thời khắc phục các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài sản công; hướng dẫn, theo dõi các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị SNCL thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính; đề xuất các đơn vị SNCL có thể tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên và các giải pháp giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà

nước cho đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.

b) Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành đảm bảo theo yêu cầu tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị tăng cường thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng thay thế gửi bằng văn bản giấy.

c) Cập nhật, nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung thuộc trách nhiệm quản lý.

d) Hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở thường xuyên có các chương trình tuyên truyền về CCHC, về ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch hành chính; tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức các nội dung về an toàn, an ninh thông tin.

6. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc nâng cấp, công bố, duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

7. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện thu hút đầu tư của tỉnh, nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới, đảm bảo vượt thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

8. Trách nhiệm của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên, Báo Hưng Yên

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nhiệm vụ và kết quả thực hiện CCHC của Ủy ban nhân dân tỉnh (xây dựng chuyên đề, chuyên trang, phân công phóng viên chuyên trách về công tác CCHC).

Chương III
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 12. Căn cứ đánh giá, phân loại, khen thưởng và xem xét trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC

Căn cứ tỷ lệ % tổng điểm đạt được của các nội dung tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định này, tương ứng với các nội dung trong xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là điểm đánh giá).

Điều 13. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện CCHC

Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn là một trong các cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu; là một trong những tiêu chí đánh giá bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và đánh giá phân loại cán bộ, công chức hàng năm. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ CCHC khi điểm đánh giá của cơ quan, đơn vị đạt từ 90% số điểm trở lên theo Quyết định công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền và nếu có nội dung trong điểm đánh giá được điểm dưới mức Khá thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ CCHC khi điểm đánh giá của cơ quan, đơn vị đạt từ 70% đến dưới 90% số điểm theo Quyết định công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền và nếu có nội dung trong điểm đánh giá được điểm dưới mức Khá thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được đánh giá ở mức hoàn thành nhiệm vụ.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ CCHC khi điểm đánh giá của cơ quan, đơn vị, địa phương đạt từ 60% đến dưới 70% số điểm theo Quyết định công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ về công tác CCHC khi cơ quan, đơn vị có một trong các trường hợp sau:

a) Khi điểm đánh giá của cơ quan, đơn vị đạt dưới 60% số điểm theo Quyết định công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cơ quan có thẩm quyền.

b) Có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm về những hành vi không

được làm trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và ứng xử, giao tiếp không đúng với quy định về văn hóa công vụ.

c) Không xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời theo quy định, để tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo của người dân, tổ chức liên quan đến giải quyết TTHC vượt cấp, kéo dài.

Điều 14. Sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ phân loại cán bộ, công chức hàng năm theo quy định

Cơ quan có thẩm quyền đánh giá, phân loại cán bộ, công chức sử dụng kết quả đánh giá tại Điều 13 Quy định này làm căn cứ đánh giá, phân loại cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm.

Điều 15. Khen thưởng

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ về CCHC được xem xét để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Điều 16. Xử lý trách nhiệm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình lần thứ nhất đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Trong hai năm liên tiếp người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, thì tùy theo mức độ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người đó theo đúng quy định của pháp luật về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 17. Thẩm quyền đánh giá mức độ hoàn thành; thẩm quyền xử lý trách nhiệm, trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Đánh giá mức độ hoàn thành

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về thực hiện CCHC.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đánh giá mức độ hoàn thành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn về thực hiện CCHC; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả đánh giá, phân loại hàng năm (qua Sở Nội vụ).

2. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hình thức xử lý đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị vi phạm Quy định này.

b) Quy trình, thủ tục, hình thức xử lý trách nhiệm người đứng đầu được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của người đứng đầu trong xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm

1. Khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về kiểm điểm, xử lý trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định về CCHC, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, tiến hành các thủ tục xử lý trách nhiệm cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khác với ý kiến của cấp có thẩm quyền thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm phải giải trình bằng văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp xin ý kiến giải quyết.

3. Quy trình, thủ tục xử lý trách nhiệm đối với cá nhân vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành Quy định này, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về thực hiện nhiệm vụ CCHC.

3. Tổng hợp và đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Tổng hợp các vụ việc vi phạm Quy định này, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ công chức và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 21. Thời gian thực hiện

Tổ chức đánh giá và báo cáo mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị cùng với việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan, đơn vị đó.

Điều 22. Điều khoản tham chiếu

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và quy định trách nhiệm được viện dẫn trong Quy định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới và các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn.

2. Sở Nội vụ định kỳ rà soát, tổng hợp ý kiến, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định. / . *ngp*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



ngp

Nguyễn Văn Phóng